TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long: không tham gia.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Võ Bá T, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cũ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ hiện tại: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cũ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ hiện tại: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2025 nguyên đơn anh Võ Bá T trình bày:

Anh T và chị Y do quen biết với nhau nên hai bên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2024 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, chị Y có mâu thuẫn với mẹ ruột anh T làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm ngày càng phai nhạt. Hiện tại, anh T và chị Y không có tiếng nói chung, không còn hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh T và chị Y có 01 (một) con chung tên Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015. Hiện tại cháu L đang sống chung với chị Y. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu Võ Hoàng L cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Năm 2015, chị Y và anh T về sống chung với nhau, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị Y sinh sống làm ăn tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên từ giữa năm 2024 thì bắt đầu xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa hai vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng nhiều. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục sống chung với anh T. Chị Y và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2024 tới nay. Do đó chị Y đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: anh T và chị Y có 01 (một) con chung tên Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015. Hiện tại cháu L đang sống chung với chị Y. Khi ly hôn

chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng L. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2025, cháu Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015 trình bày: sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Y.

Tại phiên tòa, anh T và chị Y vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 04/8/2025, anh T xin vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 18/7/2025, chị Y xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh Võ Bá T và bị đơn chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyển số 01/2015 ngày 27/5/2015 của Ủy Ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Bá T và chị Nguyễn Thị Y là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh T thì sau khi cưới nhau anh T và chị Y cũng có thời gian sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Anh T và chị Y thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024 và ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay không về đoàn tụ được. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do bất đồng quan đểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên

không có tiếng nói chung, vợ chồng không hạnh phúc. Về phía chị Y cũng xác định quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T hiện nay có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay và vợ chồng không hàn gắn được.

Xét thấy, anh T và chị Y đều trình bày thống nhất là mối quan hệ hôn nhân của anh T và chị Y đã không thể hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay không đoàn tụ được, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.] Về con chung: anh T và chị Y cùng trình bày vợ chồng có 01 (một) con chung tên Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015. Hiện cháu L đang sống chung với chị Y. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu Võ Hoàng L cho chị Y nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Bản tự khai ngày 17/8/2025, cháu Võ Hoàng L có nguyện vọng là sau khi cha mẹ ly hôn cháu được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Y.

Xét thấy, anh T và chị Y đều thống nhất giao con chung là cháu Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Y nuôi dưỡng, cháu Võ Hoàng L cũng có nguyện vọng ở chung với chị Y. Mặt khác, từ khi anh T và chị Y ly thân đến nay cháu Võ Hoàng L đều do chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đã ổn định về cuộc sống và đang trong quá trình phát triển tâm sinh lý. Để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý cho cháu L. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Y. Giao cháu Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3.3.] Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4.] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002348 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Vĩnh Long). Anh T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Bá T

1. Về hôn nhân: anh Võ Bá T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Võ Hoàng L, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu anh Võ Bá T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh Võ Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Võ Bá T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002348 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Vĩnh Long). Anh Võ Bá T đã nộp đủ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV 2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã Song Phú, VL: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ngọc Trinh